Chi tiết mã HS 7006.00.10

Mã HS	7006.00.10
Mô tả hàng hóa	Kính thuộc các nhóm 70.03, 70.04 hoặc 70.05, đã uốn cong, gia công cạnh, khắc, khoan, tráng hoặc gia công cách khác, nhưng chưa làm khung hoặc lắp với các vật liệu khác / - Kính quang học, chưa được gia công về mặt quang học
Đơn vị	kg/m2
Thời điểm tạo	12/11/2026 01:56:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/70060010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10481
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10481
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10481
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9960
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9911
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9911
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9911
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9911
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9911
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9911
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9963
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9963
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9963

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9963
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9963
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9963
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9964
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9964
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9964
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9964
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9964
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9964
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9965
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9917
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F9923
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G9923
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H9923
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I9923
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J9923
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K9923
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9948
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9948
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9948
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9948
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9948
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9948
VCFTA	2022	2022	5	VC!D9995
VCFTA	2023	2023	5	VC!E9995
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9995

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9995
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9995
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9995
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9986
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9986
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9986
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9986
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9986
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9986
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D9986
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E9986
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F9986
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G9986
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H9986
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9986
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9997
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9997
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9997
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9997
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9997
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9997
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9996
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9996
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9996
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9996
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9996

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9996
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9943
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9943
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9943
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9943
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9943
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9943
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9943
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9980
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9980
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9980
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9980
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9980
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9980
RCEP B	2022	2022	0	B!D9980
RCEP B	2023	2023	0	B!E9980
RCEP B	2024	2024	0	B!F9980
RCEP B	2025	2025	0	B!G9980
RCEP B	2026	2026	0	B!H9980
RCEP B	2027	2027	0	B!I9980
RCEP C	2022	2022	0	C!D9980
RCEP C	2023	2023	0	C!E9980
RCEP C	2024	2024	0	C!F9980
RCEP C	2025	2025	0	C!G9980
RCEP C	2026	2026	0	C!H9980
RCEP C	2027	2027	0	C!I9980

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D9979
RCEP D	2023	2023	0	D!E9979
RCEP D	2024	2024	0	D!F9979
RCEP D	2025	2025	0	D!G9979
RCEP D	2026	2026	0	D!H9979
RCEP D	2027	2027	0	D!I9979
RCEP E	2022	2022	0	E!D9983
RCEP E	2023	2023	0	E!E9983
RCEP E	2024	2024	0	E!F9983
RCEP E	2025	2025	0	E!G9983
RCEP E	2026	2026	0	E!H9983
RCEP E	2027	2027	0	E!I9983
RCEP F	2022	2022	0	F!D9980
RCEP F	2023	2023	0	F!E9980
RCEP F	2024	2024	0	F!F9980
RCEP F	2025	2025	0	F!G9980
RCEP F	2026	2026	0	F!H9980
RCEP F	2027	2027	0	F!I9980
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F9228
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G9228
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H9228
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I9228

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7006.00 có 2 dòng thuế; dòng 7006.00.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Kính quang học, chưa được gia công về mặt quang học.	7006.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7006.00.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 7006.00.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10481), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.